

**UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **4642/QĐ-UBND**

Thanh Hoá, ngày 29 tháng 11 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình tu bổ, khôi phục và nâng cấp đê cửa sông Mã đoạn từ K61+870,9÷K62+676 thuộc dự án tu bổ, khôi phục và nâng cấp đê cửa sông Mã đoạn từ K55+769÷K62+676, huyện Hoằng Hóa

CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 3505/2016/QĐ-UBND ngày 13/9/2016 của UBND tỉnh ban hành Quy định phân công, phân cấp thẩm định dự án, thiết kế cơ sở và thiết kế, dự toán xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ các Quyết định số 2612/QĐ-UBND ngày 07/8/2009, số 4081/QĐ-UBND ngày 21/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt, điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình tu bổ, khôi phục và nâng cấp đê cửa sông Mã đoạn từ K55+769÷K62+676, huyện Hoằng Hóa;

Căn cứ Quyết định số 4572/QĐ-UBND ngày 24/11/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh dự án và kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án đầu tư xây dựng công trình tu bổ, khôi phục và nâng cấp đê cửa sông Mã đoạn từ K55+769÷K62+676, huyện Hoằng Hóa;

Xét đề nghị của Chi cục Đê điều và Phòng chống lụt bão tại Tờ trình số 649/TTr-ĐĐ ngày 25/10/2016 (kèm theo hồ sơ) và Báo cáo thẩm định số 3640/SNN&PTNT-QLXDCT ngày 18/11/2016 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt điều chỉnh thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình tu bổ, khôi phục và nâng cấp đê cửa sông Mã đoạn từ

K61+870,9÷K62+676 thuộc dự án tu bổ, khôi phục và nâng cấp đê cửa sông Mã đoạn từ K55+769÷K62+676, huyện Hoàng Hóa,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình tu bổ, khôi phục và nâng cấp đê cửa sông Mã đoạn từ K61+870,9÷K62+676 thuộc dự án tu bổ, khôi phục và nâng cấp đê cửa sông Mã đoạn từ K55+769÷K62+676, huyện Hoàng Hóa, với những nội dung chính sau:

I. Nội dung thiết kế bản vẽ thi công:

1. Chi tiêu thiết kế: Cao trình đỉnh đê (+4.30) m; cao trình đỉnh tường chắn sóng (+4.80) m; chiều rộng mặt đê $B = 5,25$ m; hệ số mái phía sông $m = 3$; hệ số mái đê phía đồng $m = 2$; chiều dài tuyến đê thiết kế $L = 891,9$ m.

2. Giải pháp kỹ thuật:

- Tuyến đê:

+ Đắp áp trực, mở rộng và tôn cao mặt đê về phía đồng theo mặt cắt thiết kế bằng đất nui đầm chặt đảm bảo $K \geq 0,95$. Mặt đê được gia cố bằng một lớp bê tông thường (BTT) M250 dày 20 cm, bên dưới lót một lớp nilon tái sinh, móng bằng cấp phối đá dăm loại 2 dày 15 cm, dốc ngang về phía đồng $i = 1\%$; dọc chiều dài tuyến cứ 7,5 m cắt một khe lún sâu 17 cm. Biên mặt đê phía biển bố trí tường chắn sóng bằng bê tông cốt thép (BTCT) M250, dọc theo chiều dài tường chắn sóng cứ 11,8 m bố trí một khe lún đặt giấy dầu tấm nhựa đường. Biên mặt đê phía đồng bố trí gờ chắn bánh bằng BTT M250.

+ Mái đê phía biển: Lát cấu kiện bê tông đúc sẵn M250, kích thước (40x40x16) cm trong hệ khung dầm (dầm chân, đỉnh và dọc mái kè) chia ô bằng BTCT M250 và BTT M250, bên dưới cấu kiện bê tông là lớp đá dăm (1x2) cm dày 10 cm và một lớp vải địa kỹ thuật ART15 hoặc tương đương. Chân mái đê được bố trí hàng ống buy đúc sẵn bằng BTT M200 đường kính $\Phi 100$ cm, cao 120 cm, dày 10 cm, bên trong ống buy được xếp đá hộc, đỉnh ống buy được đậy bằng tấm nắp BTT M200 đổ tại chỗ, các ống buy được chèn chặt bằng thanh BTT đúc sẵn M200. Hộ chân phía ngoài ống buy bằng đá hộc xếp chèn chặt.

+ Mái đê phía đồng: Được trồng cỏ chống xói lở.

- Công trình trên tuyến đê:

+ Dốc lên đê tại K62+395: Chiều rộng nền dốc $B_{nền} = 3$ m, chiều rộng mặt gia cố $B_{gc} = 2,5$ m, chiều rộng lề $B_{lề} = 2 \times 0,25 = 0,5$ m. Mặt dốc được gia cố

bằng một lớp BTT M250 dày 20 cm, bên dưới lót một lớp nilon tái sinh, móng bằng cấp phối đá dăm loại 2 dày 15 cm; dọc chiều dài tuyến cứ 5 m cắt một khe lún sâu 17 cm.

+ Cửa khẩu: Dọc theo chiều dài tường chắn sóng bố trí 3 cửa khẩu tại các vị trí: K62+250; K62+495; K62+645. Bề rộng cửa khẩu $B = 3,5$ m; cửa khẩu được bố trí khe phai bằng BTCT M250.

- Tuyến đường thi công kết hợp cứu hộ, cứu nạn:

+ Tuyến đường thi công kết hợp cứu hộ, cứu nạn từ cổng làng Phụng Khê, xã Hoàng Lưu đến đê sông Mã tại K62+676: Chiều rộng nền đường hiện trạng từ $(3,5 \div 4)$ m, hệ số mái $m = 1,5$, tổng chiều dài tuyến đường $L = 3.471,68$ m. Mặt đường đoạn từ cọc C0 đến C52+25 với chiều dài $L = 2.678,58$ m hiện trạng là nền đất được gia cố bằng cấp phối đá dăm loại 2 dày 20 cm, rộng $B = 3$ m, lu lèn chặt đảm bảo độ chặt $K \geq 0,95$; đoạn từ cọc C52+25 đến cuối tuyến với chiều dài $L = 791,1$ m hiện trạng là đường cũ do nhân dân tự xây dựng (trong đó có 376,1 m bằng bê tông và 415 m nhựa bán thâm nhập), sau khi thi công hoàn thành tuyến đê được hoàn trả bằng BTT M250 dày 20 cm rộng $B = 4$ m, dọc theo chiều dài tuyến đường cứ 5 m cắt một khe lún sâu 17 cm và bố trí hoàn trả rãnh thoát nước bên tả bằng BTT M200, đỉnh rãnh thoát nước có tấm nắp bằng BTCT M250 kích thước $(B \times H \times L) = (64 \times 70 \times 15)$ cm. Dọc theo chiều dài tuyến đường trung bình 500 m bố trí một bãi tránh xe. Đối với đoạn đường hiện trạng đã được nhân dân đầu tư gia cố bằng bê tông và nhựa, sau khi thi công hoàn thành tuyến đê phải được đánh giá cụ thể hiện trạng trước khi tiến hành hoàn trả.

+ Gia cố mặt đường đoạn từ nhà anh Định đến đê sông Mã: Trên cơ sở nền đường hiện trạng đã được gia cố bằng cấp phối đá dăm loại 2 thuộc dự án cải tạo, nâng cấp hệ thống đê bao và cống dưới đê phục vụ nuôi trồng thủy sản, xã Hoàng Phong, huyện Hoàng Hóa do UBND huyện Hoàng Hóa là chủ đầu tư cứng hóa mặt đường bằng BTT M250 dày 20 cm rộng $B = 3$ m, dọc theo chiều dài tuyến đường cứ 5 m cắt một khe lún sâu 17 cm, lề đường được đắp bằng đất núi đầm lèn đảm bảo độ chặt $K \geq 0,95$.

3. Loại, cấp công trình: Công trình đê điều, cấp II (theo Quyết định số 606/QĐ-BNN-TCTL ngày 26/3/2013 của Bộ Nông nghiệp và PTNT).

II. Dự toán và nguồn vốn:

1. Dự toán: 25.391,6 triệu đồng (*Hai lăm tỷ, ba trăm chín mốt triệu, sáu trăm ngàn đồng*).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng: 21.808,1 triệu đồng;

- Chi phí quản lý dự án:	304,9	triệu đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD:	465,8	triệu đồng;
- Chi phí khác:	939,8	triệu đồng;
- Chi phí dự phòng:	1.873,0	triệu đồng;

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

2. Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước đầu tư theo Chương trình củng cố, bảo vệ và nâng cấp đê biển và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

Điều 2. Chủ đầu tư (Chi cục Đê điều và Phòng chống lụt bão) chịu trách nhiệm toàn diện trong tổ chức, quản lý, thực hiện đầu tư xây dựng công trình, tổ chức nghiệm thu khối lượng theo thực tế và thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình được duyệt; thanh quyết toán công trình theo đúng quy định hiện hành.

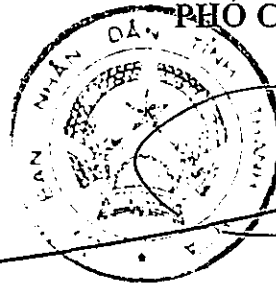
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký thay thế các nội dung về thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình tu bổ, khôi phục và nâng cấp đê cửa sông Mã đoạn từ K61+870,9÷K62+676 đã được Chi cục trưởng Chi cục Đê điều và Phòng chống lụt bão phê duyệt tại Quyết định số 180/QĐ-ĐĐ ngày 05/3/2010.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và PTNT, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chi cục trưởng Chi cục Đê điều và Phòng chống lụt bão và Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Phó Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Đức Quyền;
- Phó Chánh Văn phòng Lê Thanh Hải;
- Lưu: VT, NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Quyền

PHỤ BIỂU TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CÔNG TRÌNH

Công trình: Tu bổ, khôi phục và nâng cấp đê cửa sông Mã đoạn từ K61+870,9÷K62+676 thuộc dự án tu bổ, khôi phục và nâng cấp đê cửa sông Mã đoạn từ K55+769÷K62+676, huyện Hoàng Hóa
(Kèm theo Quyết định số 4642/QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Khoản mục chi phí	Cách tính	Thành tiền
1	Chi phí xây dựng (Gxd)	Chi tiết	21.808,1
1.1	Tuyến đê đoạn từ K61+870,9 ÷ K62+676		17.634,482
1.2	Tuyến đường thi công kết hợp cứu hộ, cứu nạn - TC1		2.615,517
1.3	Tuyến đường thi công kết hợp cứu hộ, cứu nạn - TC2		1.507,372
1.4	Dốc lên đê tại cọc C262 (K62+395)		50,676
2	Chi phí quản lý dự án (Gqlđ)	1,538% x Gxd	304,9
3	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng (Gtv)		465,8
3.1	Chi phí tư vấn lập điều chỉnh dự toán đoạn từ K61+870,9 ÷ K62+676	$0,12 \times 0,5 \times \text{TKPcũ}$	21,623
3.2	Chi phí tư vấn thiết kế mới đường thi công kết hợp cứu hộ, cứu nạn	Chiết tính	85,291
3.3	Chi phí lập hồ sơ mời thầu thi công xây dựng	$0,1\% \times \text{Gxd}$	21,808
3.4	Chi phí đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng	$0,1\% \times \text{Gxd}$	21,808
3.5	Chi phí giám sát thi công xây dựng	Tính từ TMĐT	183,855
3.6	Chi phí giám sát đánh giá dự án	$20\% \times \text{Gqlđ}$	67,082
3.7	Chi phí kiểm định chất lượng công trình (tạm tính)	$35\% \times \text{CPGSTCXD}$	64,349
4	Chi phí khác (Gk)		939,8
4.1	Chi phí bảo hiểm công trình	Chiết tính	190,621
4.2	Chi phí thẩm định thiết kế bản vẽ thi công (vận dụng theo TT75-2014/TT-BTC)	Chiết tính	3,942
4.3	Chi phí thẩm định dự toán công trình (vận dụng theo TT75-2014/TT-BTC)	Chiết tính	12,748
4.4	Lệ phí thẩm định giá		10,000
4.5	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu của cơ quan quản lý Nhà nước	Tạm tính	3,000
4.6	Chi phí hạng mục chung	Chiết tính	654,241
4.7	Thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu, hồ sơ mời thầu	$0,1\% \times \text{Gxd}$	21,808
4.8	Phí bảo vệ môi trường và khai thác khoáng sản	$1.500 \times 28.920,98 \text{ m}^3$	43,381
5	Chi phí dự phòng		1.873,0
5.1	Chi phí dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh	$5\% \times (\text{Gxd} + \text{Gqlđ} + \text{Gtv} + \text{Gk})$	1.175,9
5.2	Chi phí dự phòng cho yếu tố trượt giá		697,1
	Tổng cộng	1+2+3+4+5	25.391,6